

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HS-ST

Ngày 21-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa và ông Hoàng Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2022/HSST ngày 12 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2022 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 01/2022/TB-TA ngày 03 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Võ Minh C, sinh năm 1997, tại Đ; nơi cư trú: Tổ 2, ấp 3, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Minh Thắng, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Như, sinh năm 1975; Anh chị em ruột có 03 người; bản thân chưa vợ; tiền sự: Không; tiền án: Không

Về nhân thân: Ngày 24/10/2012, bị UBND huyện Q ra Quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi “Trộm cắp T sản”, đã chấp hành xong ngày 24/10/2014.

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/8/2021 cho đến nay.

2. Võ Thành P, sinh năm 2002, tại Đ; nơi cư trú: Ấp 7, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thành Siêng, sinh năm 1981 và bà Đặng Thị Mộng Tiền, sinh năm 1983; Anh chị em ruột có 03 người; bản thân chưa vợ; tiền sự: Không; tiền án: Không

Về nhân thân: Ngày 05/11/2021 bị Cơ quan CSĐT – Công an huyện Q khởi tố về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, hiện đang trong giai đoạn điều tra.

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/11/2021 cho đến nay.

3. Nguyễn Ngọc A, sinh năm 2002, tại Đ; nơi cư trú: Ấp 3, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng Cương, sinh năm 1974 và bà Bùi Thị Dạ Thu, sinh năm 1981; Anh chị em ruột có 03 người; bản thân chưa vợ; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 17/12/2021 đến nay.

4. Nguyễn Văn T, sinh năm, 1997, tại Đ; nơi cư trú: Ấp 3, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Cường, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Bạch Thảo, sinh năm 1973; Anh chị em ruột có 02 người; bản thân chưa vợ; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Về nhân thân: Ngày 09-3-2022, bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 32/2022/HSST (án đã có hiệu lực pháp luật), bị cáo chưa chấp hành án. Bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2021 đến nay.

5. Hồ Đức T1, sinh năm 1994, tại Bến Tre; nơi cư trú: Ấp 2, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn Kha, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Huỳnh, sinh năm 1954; Anh chị em ruột có 05 người; bản thân chưa vợ; tiền sự: Không; tiền án: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 15/11/2021.

- Bị hại:

1. Ông Phạm Ngọc T2, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Tổ 2, ấp 3, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

2. Ông Trần Văn B, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Tổ 5, ấp 6, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

3. Anh Thông Lý S, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ 2, ấp 3, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Công Đ, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Tổ 1A, ấp 3, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

5. Anh Trần Văn H, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Tổ 1, ấp 8, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

6. Anh Đặng Văn L, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Tổ 1B, ấp 6, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

7. Anh Phạm Minh Đ, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Ấp 8, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

8. Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Tổ 2, ấp 3, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ, (Có mặt).

9. Trường Trung học cơ sở H

Địa chỉ: Ấp 6, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Minh H – Chức vụ: Hiệu Trưởng, (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Ngô Thị Thúy L, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ 9, ấp 6, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

2. Anh Tăng Đức P, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ 1, ấp 3, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

3. Anh Đặng Xuân T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ 2, ấp 3, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Ấp 6, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

Người làm chứng: Ông Thái Văn D, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Tổ 2, ấp 3, xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Minh C, Võ Thành P, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Văn T, Hồ Đức T1 và Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: Đai), sinh năm 1982, cùng trú tại xã Thanh Sơn, huyện Q, tỉnh Đ là bạn bè quen biết nhau và là các đối tượng nghiện ma túy. Trong khoảng thời gian từ tháng 08/2019 đến ngày 07/11/2021, C và đồng phạm đã thực hiện hành vi 09 vụ trộm cắp T sản, cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 22 giờ ngày 25/8/2019, C cùng với T đi bộ đến khu vực ấp 3, xã Thanh Sơn để trộm cắp T sản. C và T phát hiện rẫy của ông Phạm Ngọc Tuấn, sinh năm 1964, trú tại ấp 3, xã Thanh Sơn không có người trông coi nên cả hai đi vào trộm cắp 105kg Bưởi da xanh. Sau đó, C cùng T bán số Bưởi trên cho chị Ngô Thị Thúy Linh, sinh năm 1985, trú tại ấp 6, xã Thanh Sơn với giá 15.000đ/01kg được 1.550.000 đồng (số Bưởi trên chị Ngô Thị Thúy Linh đã tiêu thụ một phần, còn lại 39 trái). Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 26/8/2019, C cùng T tiếp tục quay lại rẫy của ông Tuấn trộm cắp thêm 60 trái Bưởi da xanh (trọng lượng 72kg), sau đó C mang số Bưởi nói trên đến cất giấu tại nhà của anh Nguyễn Văn Lộc, sinh năm 1997, trú tại ấp 6, xã Thanh Sơn, (lúc này anh Lộc đang ngủ ở trong nhà nên không biết việc C mang Bưởi đến cất giấu). Đến 17 giờ ngày 26/8/2019 thì bị lực lượng Công an xã Thanh Sơn phát hiện thu giữ, đối tượng Nguyễn Văn T bỏ trốn.

T sản thiệt hại: 99 trái Bưởi da xanh, trọng lượng: 123,3kg, trong đó: 39 trái Bưởi da xanh thu giữ của Ngô Thị Thúy Linh trọng lượng 51,3kg và 60 trái Bưởi da xanh thu giữ tại nhà của Nguyễn Văn Lộc trọng lượng 72kg.

Căn cứ bản kết luận định giá ngày 21/11/2019 của Hội đồng định giá T sản trong Tổ tụng hình sự huyện Q, kết luận: 99 trái Bưởi da xanh trị giá 2.609.400 đồng.

2. Vụ thứ hai:

Vào khoảng 20 giờ ngày 12/8/2019, Nguyễn Văn Đ (Đài), sinh năm 1982, trú tại tổ 9, ấp 6, xã Thanh Sơn rử C đi trộm cắp 01 bộ dụng cụ phun thuốc trừ sâu (trong sản xuất nông nghiệp) của ông Trần Văn Bằng, sinh năm 1969, trú tại ấp 6, xã Thanh Sơn. Sau đó, Đầy đi một mình đến nhà ông Bằng để trộm cắp T sản, không cho C đi cùng. Sau khi trộm được T sản, Đầy gọi điện thoại nói C đến khu vực cách nhà Đầy 200m để đón Đầy. Tại đây, Đầy đưa cho C T sản vừa trộm cắp được gồm: 01 mô tơ màu đen 2kw, 01 đầu xịt thuốc và 01 dàn sắt si để C đưa về nhà cất giấu. Số T sản nói trên, C bán cho anh Đặng Xuân T, sinh năm 1988, trú tại ấp 3, Thanh Sơn với giá 1.100.000 đồng. Hiện tại đối tượng Nguyễn Văn Đầy không có mặt tại địa phương.

T sản thiệt hại: 01 mô tơ màu đen 2kw, 01 đầu xịt thuốc, 01 dàn sắt si.

Căn cứ Bản kết luận định giá T sản ngày 11/10/2019 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Q kết luận: T1 bộ T sản trên trị giá 2.650.000 đồng.

3. Vụ thứ ba:

Vào khoảng 02 giờ sáng ngày 15/8/2019, C đi bộ tới khu vực ấp 3, xã Thanh Sơn, C phát hiện rẫy của anh Thông Lý Sầu, sinh năm 1986, trú tại tổ 2, ấp 3, xã Thanh Sơn không có người trông coi nên đã đi vào để trộm cắp T sản. Khi vào bên trong rẫy, C phát hiện 01 cây Mai vàng cao khoảng 80cm, hoành 40cm nên đã dùng liềm sắt mang theo để đào trộm. Sau khi trộm cắp được cây Mai thì C bán cho đối tượng Nguyễn Văn Đầy với giá 600.000 đồng (hiện Nguyễn Văn Đầy đã bỏ trốn khỏi địa phương, nên chưa thu hồi được) (bút lục số 112).

T sản thiệt hại: 01 cây Mai vàng chiều cao 80cm, chu vi gốc 40cm.

Căn cứ Bản kết luận định giá T sản ngày 19/9/2021 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Q kết luận: T sản trên trị giá 3.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 lưỡi liềm kim loại dài 25cm, không có cán.

4. Vụ thứ tư:

Vào khoảng 21 giờ ngày 17/8/2019, C đi bộ tới khu vực ấp 3, xã Thanh Sơn, C phát hiện rẫy của ông Nguyễn Công Định, sinh năm 1975, trú tại tổ 1A, ấp 3, xã Thanh Sơn không có người trông coi, nên C đã đi vào để trộm cắp T sản. Khi đi vào trong rẫy, C nhìn thấy 01 đầu xịt thuốc màu đen, hiệu “Cá heo” nên đã lấy trộm rồi đưa về nhà cất giấu. Đầu xịt thuốc nói trên, C chưa kịp tiêu thụ thì bị lực lượng Công an xã Thanh Sơn phát hiện, thu giữ.

T sản thiệt hại: 01 đầu xịt thuốc màu đen, hiệu “Cá heo”.

Căn cứ Bản kết luận định giá T sản ngày 10/10/2021 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Q kết luận: T sản trên trị giá 1.800.000 đồng.

5. Vụ thứ năm:

Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 04/8/2021, do cần tiền tiêu xài, C điều khiển xe mô tô hiệu Dream màu đen (không có biển số) chở Nguyễn Ngọc Anh và Võ Thành P đi tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp T sản. Khi đến khu vực chợ Lâm trường 3, thuộc ấp 7, xã Thanh Sơn, cả ba phát hiện cửa hàng sửa xe máy của anh Phạm Minh Đoàn, sinh năm 2000, trú tại ấp 8, xã Thanh Sơn không có người trông coi. C cùng P leo hàng rào vào bên trong cửa hàng sửa xe, Ngọc Anh đứng ở bên ngoài canh chừng. Khi đi vào bên trong thì C và P nhìn thấy có một khe hở nên P đã chui qua để vào bên trong trộm cắp 05 vỏ xe Honda, 01 máy sạc bình Ắc quy, 01 máy rửa xe, 06 chai nhớt Mít su, 03 cuộn lưới, 05 bóng đèn Led, 03 chai nhớt Novo, 10 cuộn lửa ép, 09 chai nhớt King Royal, 04 bộ thắng tay ga, 01 súng bắn ốc, 01 súng bắn ghim, 05 cuộn moobin đèn rồi đưa ra bên ngoài cho C. Sau đó, cả ba đưa số T sản vừa trộm cắp được về nhà P cất giấu.

T sản thiệt hại: 05 vỏ xe Honda, 01 máy sạc bình Ắc quy, 01 máy rửa xe, 06 chai nhớt Mít su, 03 cuộn lưới, 05 bóng đèn Led, 03 chai nhớt Novo, 10 cuộn lửa ép, 09 chai nhớt King Royal, 04 bộ thắng tay ga, 01 súng bắn ốc, 01 súng bắn ghim, 05 cuộn moobin đèn.

Căn cứ bản kết luận định giá ngày 08/12/2021 của Hội đồng định giá T sản trong Tổ tụng hình sự huyện Q kết luận: T1 bộ T sản trên trị giá 13.680.000 đồng

6. Vụ thứ sáu:

Vào khoảng 20 giờ ngày 21/7/2021, do cần tiền tiêu xài, C cùng với Lý Hoàng Sơn, sinh năm 1986, trú tại ấp 3, xã Thanh Sơn đi tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp T sản. Khi đến khu vực Trường THCS Hoàng Hoa Thám có địa chỉ tại ấp 6, xã Thanh Sơn phát hiện không có người trông coi, nên C leo rào vào trong trường tìm T sản để trộm cắp, còn Sơn quay về nhà. Khi vào trong trường, C đi bộ tới khu vực văn phòng và dùng kìm cắt sắt mang theo phá cửa đi vào, C nhìn thấy 01 màn hình quan sát, 01 đầu ghi camera và 02 khăn phủ bàn màu xanh nên đã nhanh chóng lấy trộm đưa ra ngoài. Sau đó, C gọi điện cho Sơn đến đón, cả hai đưa số T sản nói trên đến bán cho anh Tăng Đức Phi, sinh năm 1990, trú tại ấp 3, xã Thanh Sơn bán với giá 2.000.000 đồng.

T sản thiệt hại: 01 đầu ghi camera 16 kênh IP, 01 màn hình quan sát camera hiệu LG 43', 02 khăn phủ bàn màu xanh

Căn cứ bản kết luận định giá ngày 14/12/2021 của Hội đồng định giá T sản trong Tổ tụng hình sự huyện Q kết luận: T1 bộ T sản trên trị giá 10.020.000 đồng (bút lục số 237).

Về trách nhiệm dân sự:

- T1 bộ T sản bị trộm cắp đã thu hồi và trao trả cho bà Phan Thị Minh Hương (Hiệu trưởng – Trường THCS Hoàng Hoa Thám) nay bà Hương không yêu cầu bị can C phải bồi thường gì thêm (bút lục số 324).

7. Vụ thứ bảy:

Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 01/8/2021, do cần tiền tiêu xài, C cùng Nguyễn Ngọc Anh đi tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp T sản. Khi đến khu vực ấp 8, xã Thanh Sơn, cả hai phát hiện bên hiên nhà ông Trần Văn Hội, sinh năm 1976, trú tại ấp 8, xã Thanh Sơn đang dựng 01 xe đạp điện không có người trông coi, nên C lén lút đi vào bên trong và nhanh chóng lấy trộm chiếc xe đạp điện, Ngọc Anh đứng ở ngoài canh chừng. Sau khi lấy trộm được chiếc xe đạp điện thì đưa về nhà C cất giấu.

T sản thiệt hại: 01 xe đạp điện hiệu Osaka, loại A8.

Căn cứ bản kết luận định giá ngày 28/12/2021 của Hội đồng định giá T sản trong Tổ tụng hình sự huyện Q kết luận: T sản trên trị giá 4.000.000 đồng.

8. Vụ thứ tám:

Vào khoảng 20 giờ ngày 08/4/2021, do cần tiền tiêu xài nên C đi bộ lang thang tại ấp 6, xã Thanh Sơn, huyện Q tìm kiếm nhà dân sơ hở để trộm cắp T sản. Khi tới khu vực thuộc tổ 1B, ấp 6, Thanh Sơn thì C phát hiện bên trong nhà anh Đặng Văn Luân, sinh năm 1982, trú tại ấp 6, xã Thanh Sơn không có người trông coi, nên C đã đi vào bên trong sân tìm kiếm T sản thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 60B6-9710, nên đã nhanh chóng lấy trộm rồi tẩu thoát.

T sản thiệt hại: 01 xe mô tô hiệu Honda, Wave RS 110, màu đỏ - xám – đen, biển số 60B6-9710.

Căn cứ bản kết luận định giá ngày 05/01/2022 của Hội đồng định giá T sản trong Tổ tụng hình sự huyện Q kết luận xe mô tô trên trị giá 7.000.000 đồng.

9. Vụ thứ chín:

Do cần tiền tiêu xài, vào khoảng 10 giờ 00 ngày 07/11/2021, Hồ Đức T1 điều khiển xe mô tô biển số 60AB-015.34 đến nhà Nguyễn Văn T chở T đi trộm cắp T sản. Khi đi đến khu vực tổ 2, ấp 3, xã Thanh Sơn, cả hai phát hiện trong khu vực rẫy của bà Hoàng Thị Duyên, sinh năm 1980, trú tại ấp 3, xã Thanh Sơn có dựng 01 xe mô tô hiệu SADOKA màu nâu, biển số 60T3-7727 không có người trông coi, nên T1 dừng xe lại và đi vào trong rẫy, T ở ngoài canh chừng. Khi đi tới chỗ chiếc xe mô tô đang dựng thì T1 nhìn thấy trên xe có sẵn chìa khóa nên đã nhanh chóng lên xe nổ máy rồi cùng T điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Sau đó, cả hai đưa xe mô tô vừa trộm cắp được đến bán cho tiệm ve chai (không rõ địa chỉ) tại ấp Ba Tầng, xã Phú Vinh bán với giá 500.000 đồng. Số tiền trên T và T1 mua ma túy sử dụng hết.

T sản thiệt hại: 01 xe mô tô hiệu SADOKA màu nâu, biển số: 60T3-7727.

Căn cứ Bản kết luận định giá T sản ngày 24/12/2021 của Hội đồng định giá T sản trong Tổ tụng hình sự huyện Q kết luận: Chiếc xe mô tô trên trị giá 3.500.000 đồng (bút lục 241).

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô hiệu SADOKA màu nâu, biển số: 60T3-7727 chưa thu hồi được. Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô biển số: 60T3-7727 do ông Nguyễn Ngọc Tiến, sinh năm 1965, trú tại khu 5, ấp Hòa Bình, xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đ đứng tên chủ sở hữu. Ông Tiến đã

bán cho bà Duyên vào khoảng đầu tháng 3/2021 với giá 3.700.000 đồng, khi mua bán hai bên chỉ viết giấy tay chứ không làm thủ tục sang tên, đổi chủ.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn T và Hồ Đức T1 còn khai nhận: Vào khoảng 15 giờ 00 ngày 31/10/2021, T1 điều khiển xe mô tô biển số 60AB-015.34 của T1 đến nhà T chở T đi trộm cắp T sản. Khi đi vào con đường đất thuộc tổ 2, ấp 3, xã Thanh Sơn (gần nhà T), cả hai phát hiện có 01 xe mô tô không biển số, chỉ còn yên xe và khung xe loại xe Dream, màu đen đang dựng bên lề đường đất cách nhà T khoảng 100 mét, không có người trông coi. T1 dừng xe mô tô biển số 60AD-015.34 đi bộ đến nơi xe mô tô (không biển số) đang dựng bên lề đường phát hiện xe không có chìa khóa, T1 nói T điều khiển xe mô tô của T1 đi chỗ khác, còn T1 ngồi lên xe mô tô nói trên dùng chân đạp nổ máy xe. Cả hai đưa xe mô tô vừa trộm cắp được đến vừa ve chai (không rõ địa chỉ) gần ngã ba Lô 5, thuộc ấp 2, Thanh Sơn bán được 450.000 đồng. Số tiền trên T và T1 mua ma túy sử dụng hết. Hiện tại chiếc xe mô tô nói trên chưa thu hồi được và chưa xác định được chủ sở hữu. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm người bị hại.

Tại bản Cáo trạng số: 16/CT-VKSDQ ngày 03 tháng 03 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, truy tố bị cáo Võ Minh C về tội “Trộm cắp T sản” theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Truy tố các bị cáo Võ Thành P, Nguyễn Ngọc Anh, Nguyễn Văn T và Hồ Đức T1 về tội “Trộm cắp T sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội: “Trộm cắp T sản” và đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 5, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Võ Minh C 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, riêng Ngọc Anh áp dụng điểm g Điều 52, riêng T1 áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn T 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; xử phạt Võ Thành P 07 (Bảy) tháng đến 09 (Chín) tháng tù; xử phạt Nguyễn Ngọc Anh 07 (Bảy) tháng đến 09 (Chín) tháng tù; xử phạt Hồ Đức T1 06 (Sáu) đến 08 (Tám) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Võ Minh C bồi thường cho Đặng Xuân Trương số tiền 1.100.000 đồng; bồi thường cho anh Thòng Lý Sầu số tiền 3.000.000 đồng; bồi thường cho anh Tăng Đức Phi số tiền 400.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T, Hồ Đức T1 liên đới bồi thường cho bà Hoàng Thị Duyên số tiền 3.500.000 đồng. Ngoài ra, đại diện viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tham gia tranh luận.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại bà Hoàng Thị Duyên yêu cầu bị cáo T1 và T liên đới bồi thường số tiền 3.500.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt nghiêm đối với các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng như sau: Thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, các vật chứng thu hồi được và các T liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Do cần tiền tiêu xài nhưng không phải lao động, các bị cáo C, P, Anh, T, T1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt T sản của người khác, trong đó: C tham gia liên tiếp 08 vụ trộm cắp T sản, chiếm đoạt T sản có tổng giá trị là 44.939.400đ; T tham gia 02 vụ trộm cắp T sản (01 vụ thực hiện cùng với C; 01 vụ thực hiện cùng với T1), chiếm đoạt T sản có giá trị là 6.109.400đ; Anh tham gia 02 vụ (01 vụ thực hiện cùng với C, P; 01 vụ thực hiện cùng với C), chiếm đoạt T sản có giá trị 17.680.000đ; T1 tham gia 01 vụ (thực hiện cùng với T), chiếm đoạt T sản có giá trị 3.500.000đ; P tham gia 01 vụ (thực hiện cùng với Anh, C), chiếm đoạt T sản có giá trị 13.680.000đ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp T sản”, tội danh được quy định Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

[3] Về khung hình phạt: Bị cáo C có 08 lần thực hiện hành vi trộm cắp T sản, các hành vi thực hiện đều đủ yếu tố để cấu thành tội phạm, bị cáo lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống, lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Do đó, bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt “*Có tính chất chuyên nghiệp*” theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo khác không có tình tiết định khung hình phạt nên bị truy tố, xét xử theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Như vậy, Cáo trạng số 16/CT-VKSĐQ ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q, truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, không oan sai cho các bị cáo.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo gây ra tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự

trị an, an T1 xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo có thái độ chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tính chất đồng phạm: Các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn, cùng rủ nhau trộm cắp T sản, đều tham gia với vai trò là người thực hành nhưng mức độ tham gia của các bị cáo khác nhau nên khi quyết định hình phạt cần xem xét để phân hóa hình phạt. Trong đó, bị cáo C tham gia 08 vụ, chiếm đoạt T sản lớn nhất, nên phải chịu hình phạt nghiêm khắc nhất; bị cáo T, Anh đều 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, T có nhân thân xấu nên phải chịu mức hình phạt cao hơn Anh, nhưng thấp hơn bị cáo C. P, T1 đều tham gia 01 vụ trộm cắp T sản, giá trị T sản P chiếm đoạt lớn hơn, P có nhân thân xấu nên phải chịu mức hình phạt lớn hơn T1. T1 tham gia 01 vụ, giá trị T sản chiếm đoạt không lớn nên mức hình phạt là thấp nhất.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Anh, T có 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng *“phạm tội 02 lần trở lên”* theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo C có 08 lần trộm cắp T sản, nhưng đã xem xét các lần phạm tội để xác định bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, nên không áp dụng tình tiết *“phạm tội 02 lần trở lên”* đối với bị cáo. Các bị cáo P, T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho các bị cáo. Bị cáo T1 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung.

[9] Về tổng hợp hình phạt: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, bị cáo T đã bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do đó, cần tổng hợp hình phạt để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Võ Thành P, ngoài hành vi phạm tội trong vụ án này, còn thực hiện hành vi phạm tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” trong vụ án khác, hiện đang trong giai đoạn điều tra, nên sẽ được tổng hợp hình phạt sau.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, anh Đặng Xuân Trương yêu cầu bị cáo C hoàn trả lại số tiền 1.100.000 đồng số tiền mua 01 mô tơ màu đen 2kw, 01 đầu xịt thuốc và

01 dàn sắt si; anh Tăng Đức Phi yêu cầu hoàn trả lại 400.000 đồng số tiền mua tivi; anh Thông Lý Sầu yêu cầu C bồi thường giá trị cây Mai số tiền 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo C đồng ý, nên buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho anh Trương số tiền 1.100.000 đồng; hoàn trả lại anh Tăng Đức Phi số tiền 400.000 đồng; bồi thường cho anh Thông Lý Sầu số tiền 3.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo có trách nhiệm hoàn trả và bồi thường cho các bị hại số tiền là 4.500.000 đồng.

Bà Hoàng Thị Duyên yêu cầu bồi thường bị cáo T1 và T bồi thường giá trị xe mô tô hiệu SADOKA màu nâu, biển số 60T-7727 số tiền 3.500.000 đồng. Xét thấy, tại phiên tòa các bị cáo T1 và T đồng ý bồi thường, nên công nhận các bị cáo T và T1 liên đới bồi thường số tiền 3.500.000 đồng cho bà Duyên, chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 1.750.000đ.

Ông Phạm Ngọc Tuấn không yêu cầu bị cáo C, T bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Công Định, anh Phạm Minh Đoàn, ông Trần Văn Hội, anh Đặng Văn Luân, Trường Trung học cơ sở Hoàng Hoa Thám đã nhận lại T sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

[11] Về số tiền thu lợi bất chính: Buộc các bị cáo T1, T liên đới nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 950.000 đồng, chia theo phần mỗi bị cáo phải nộp số tiền 475.000 đồng.

[12] Về xử lý vật chứng:

Đối với 99 trái Bưởi da xanh, trọng lượng: 123,3kg, trong đó: 39 trái Bưởi da xanh thu giữ của Ngô Thị Thúy Linh trọng lượng 51,3kg và 60 trái Bưởi da xanh thu giữ tại nhà của Nguyễn Văn Lộc trọng lượng 72kg, quá trình điều tra xác định được là T sản của anh Phạm Ngọc Tuấn; 01 (Một) mô tơ màu đen 2kw, 01 (Một) đầu xịt thuốc và một dàn sắt si, xác định được là T sản của ông Trần Văn Bằng; 01 (Một) đầu xịt thuốc màu đen, hiệu “Cá heo”, xác định được là T sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Công Định; 05 (Năm) vỏ xe Honda, 01 (Một) máy sạc bình Ắc quy, 01 (Một) máy rửa xe, 06 chai nhớt Mít su, 03 (Ba) cuộn lưới, 05 (Năm) bóng đèn Led, 03 (Ba) chai nhớt Novo, 10 (Mười) cuộn lửa ép, 09 (Chín) chai nhớt King Royal, 04 (Bốn) bộ thắng tay ga, 01 (Một) súng bắn ốc, 01 (Một) súng bắn ghim, 05 (Năm) cuộn moobin đèn, xác định được là T sản hợp pháp của anh Phạm Minh Đoàn; 01 (Một) đầu ghi camera 16 kênh IP, 01 (Một) màn hình quan sát camera hiệu LG 43 inch, 02 (Hai) khăn phủ bàn màu xanh, xác định được là T sản của Trường THCS Hoàng Hoa Thám; 01 (Một) xe đạp điện hiệu Osaka, loại A8, xác định được là T sản hợp pháp của ông Trần Văn Hội; 01 (Một) xe mô tô hiệu Honda, Wave RS 110, màu đỏ - xám - đen, biển số 60B6-9710, xác định được là T sản của anh Đặng Văn Luân. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Q đã trao trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp với điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 lưỡi liềm kim loại dài 25cm, không có cán, là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xe mô tô biển số 60AB-015.34 do bà Nguyễn Thị Huỳnh là người quản lý hợp pháp, bị cáo T1 sử dụng xe làm phương tiện phạm tội bà Huỳnh không biết, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q trả lại xe cho bà Huỳnh là đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Các vấn đề khác:

Ngày 31-10-2021, Nguyễn Văn T và Hồ Đức T1 còn có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô không có biển số, chỉ còn yên xe và khung xe, loại Honda Dream, màu đen. Sau khi trộm cắp, các bị cáo đã bán cho vừa ve chai được số tiền 450.000đ. T sản không thu hồi được, chưa xác định được chủ sở hữu T sản nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau là có căn cứ.

Các đối tượng Nguyễn Văn Đầy, Lý Hoàng Sơn hiện không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra, làm rõ xử lý sau.

Đối với Ngô Thị Thúy Linh, Đặng Xuân Trương, Tăng Đức Phi khi mua T sản không biết nguồn gốc T sản do C trộm cắp nên không có cơ sở để xử lý về hành vi tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Nguyễn Văn Lộc không biết việc C cất giấu T sản trộm cắp tại nhà nên không có cơ sở để xử lý về hành vi chứa chấp T sản do người khác phạm tội mà có.

[14] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo C, T, T1 còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[15] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như đề xuất mức hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc Anh; Nguyễn Văn T; Võ Thành P và Hồ Đức T1; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Anh và Nguyễn Văn T; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hồ Đức T1; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

- Điểm b khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Minh C.

- Điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 239 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Các điều 357, 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Minh C; Nguyễn Ngọc A; Nguyễn Văn T; Võ Thành P và Hồ Đức T1 phạm tội: “Trộm cắp T sản”.

1.1. Xử phạt bị cáo Võ Minh C 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 05-8-2021.

1.2. Xử phạt bị cáo Võ Thành P 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

1.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 17-12-2021.

1.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm tù. Tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù tại Bản án số 32/2022/HSST ngày 09 tháng 3 năm 2022, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 15-11-2021.

1.5. Xử phạt bị cáo Hồ Đức T1 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày tuyên án (21-6-2022). Quyết định bắt tạm giam bị cáo Hồ Đức T1 tại phiên tòa ngay sau khi tuyên án để đảm bảo công tác Thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Võ Minh C có nghĩa vụ hoàn trả cho Đặng Xuân Trường số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng), hoàn trả cho anh Tăng Đức Phi số tiền **400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng)**; bồi thường cho anh Thông Lý Sầu số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Tổng cộng bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả và bồi thường thiệt hại tổng số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Hồ Đức T1 liên đới bồi thường cho bà Hoàng Thị Duyên số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; trường hợp không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tiền thu lợi bất chính: Buộc các bị cáo Hồ Đức T1 và Nguyễn Văn T liên đới nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 950.000 đồng (Chín trăm năm

mười nghìn đồng), chia theo phần mỗi bị cáo phải nộp số tiền 475.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) lưỡi liềm kim loại dài 25cm, không có cán (*Vật chứng nêu trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11-3-2022*).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Võ Minh C, Nguyễn Ngọc Anh, Nguyễn Văn T, Võ Thành P và Hồ Đức T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Võ Minh C, Nguyễn Văn T, Hồ Đức T1 mỗi bị cáo còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

7. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Q;
- Công an nhân dân huyện Q;
- Chi cục THA dân sự huyện Q;
- Các bị cáo; các bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Phường